

Bản án số: 83/2019/HSST
Ngày 25 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Khương Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2019/TLST-HS ngày ngày 14 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Đức Q, sinh ngày 11/05/1990, tại tỉnh V

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh V; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Trần Đức C (đã chết); mẹ đẻ: Triệu Thị P; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: có 02. Tại Bản án số 22 ngày 26/8/2013, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V xử phạt 03 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/11/2015; tại Bản án số 15 ngày 19/4/2016, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xử phạt 30 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/10/2019 cho đến nay, hiện đang bị tạm giữ tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức Q: Bà Trần Thị N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 - Nơi cư trú: tổ dân phố V, thị trấn L, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1981 - Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện S, tỉnh V, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 - Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh V, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07giờ 30 phút ngày 22/8/2019, Trần Đức Q một mình đi bộ đến nhà chị Trần Thị H (chị gái của Q) ở cùng thôn, mượn chiếc xe đạp với mục đích đi xem có ai sơ hở tài sản thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Trước khi đi Q mang theo một chiếc vam phá khóa bằng kim loại hình chữ T, kích thước phần tay cầm 10cm, phần thân dài 7cm cất giấu trong người. Khi đi đến tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh V thì Q thấy có 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88D1-35783, nhãn hiệu YAMAHA của ông Nguyễn Văn Đ đang dựng bằng chân chống phụ để ở vỉa hè, đầu xe hướng vào trong và đuôi xe hướng ra phía người đường, Q quan sát không thấy có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Q đạp xe đi qua vị trí dựng xe máy một đoạn rồi giấu xe đạp vào bụi cây ven đường xong đi bộ quay lại dùng chiếc vam chữ T mang theo phá ổ khóa điện của xe mô tô, Q rút chiếc vam đục vào túi quần rồi quay đầu xe mô tô hướng ra đường, Q ngồi lên xe khởi động nhưng xe không nổ được máy. Khi này ông Đ cùng mọi người phát hiện tri hô thì Q đẩy xe xuống lòng đường và tiếp tục khởi động nhưng xe vẫn không nổ máy, Q hoảng sợ để chiếc xe mô tô tại đó rồi bỏ chạy và vứt chiếc vam ở bụi cỏ ven đường, Q chạy được một đoạn thì bị ông Đ cùng một số người dân bắt giữ giao Công an thị trấn L, huyện L lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Bản kết luận số 291/KL-HĐĐG ngày 27/8/20198, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch kết luận: Trị giá chiếc xe mô tô của ông Nguyễn Văn Đ là 7.000.000đ.

Đối với chị Trần Thị H cho Trần Đức Q mượn chiếc xe đạp, bản thân chị H không biết Q mượn xe để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng vụ án: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88D1-35783, nhãn hiệu Sirius Yamaha màu sơn đỏ đen đã qua sử dụng và giấy đăng ký xe là của ông Nguyễn Văn Đ; 01 xe đạp cũ, loại xe nữ màu sơn hồng là của chị Trần Thị H.

Ngày 25/10/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ, chị H. Ông Đ và chị H không có yêu cầu gì khác.

Chiếc vạm chữ T của Trần Đức Q dùng làm phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng.

Tại bản cáo trạng số: 87/CT- VKSLT-KT ngày 13 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Trần Đức Q về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Trần Đức Q, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Trần Đức Q phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; áp dụng Điểm g Khoản 2 Điều 173, Điểm h - s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và bị cáo được miễn án phí hình sự do thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có lời bào chữa, bổ sung nào khác.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm h-s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với ý kiến của người bào chữa và không có lời bào chữa, bổ sung nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không

có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: người bị hại đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, tài sản bị trộm cắp đã được trả lại và không có yêu cầu bồi thường gì. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bị hại trong vụ án.

[2] Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đức Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kiểm điểm của bị cáo; lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 22/8/2019, tại tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh V, Trần Đức Q đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88D1-35783 trị giá 7.000.000đ của ông Nguyễn Văn Đ thì bị ông Đ và quần chúng nhân dân bắt quả tang, thu giữ vật chứng vụ án.

Trần Đức Q đang có 02 tiền án về các tội tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15 ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xác định bị cáo tái phạm, bị cáo chưa được xóa án tích thì tiếp tục trộm cắp tài sản.

Hành vi nêu trên của Trần Đức Q đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...*

...g) Tái phạm nguy hiểm”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không chịu làm ăn chân chính, lười lao động, lợi dụng sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại và ông nội bị cáo được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến thắng hạng ba nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, điều kiện nhân thân, hoàn cảnh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, song dù giảm nhẹ cũng phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo Q thấy rằng: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, là đối tượng nghiện ma túy và không có tài sản riêng có giá trị lớn, gia đình thuộc hộ nghèo. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng vụ án:

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đ, chị H không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Xác nhận ngày 25/10/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đ 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88D1-35783, nhãn hiệu Sirius Yamaha màu sơn đỏ đen đã qua sử dụng và giấy đăng ký xe là của ông Nguyễn Văn Đ và trả lại cho chị H 01 xe đạp cũ, loại xe nữ màu sơn hồng là đúng sở hữu, hợp pháp.

Đối với chị Trần Thị H cho Trần Đức Q mượn chiếc xe đạp, bản thân chị H không biết Q mượn xe để đi trộm cắp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Đức Q thuộc diện hộ nghèo nên bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đức Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/10/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy chiếc vạm chữ T của Trần Đức Q dùng làm phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng .

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đức Q được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo; Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga